

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

**CẢI THIỆN KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN
KHÔNG CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂM
THỨ NHẤT, TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI****PHẠM THỊ BÍCH HẢO* - NGHIÊM THỊ THU HÀ****

TÓM TẮT: Tiếng Anh hiện là một ngôn ngữ quốc tế quan trọng và đang được dùng để giảng dạy và học tập trong nhiều ngành nghề ở các trường đại học và cao đẳng trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Trong giao tiếp bằng tiếng Anh, kỹ năng nói đóng vai trò quan trọng để giao tiếp giữa các tổ chức, các nhóm và các cá nhân với nhau. Do đó, từ thực trạng nói và giao tiếp bằng tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất ngành công nghệ thông tin Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, nhóm tác giả đã đưa ra những giải pháp gợi ý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả của kỹ năng nói tiếng Anh cho nhóm đối tượng này.

TỪ KHÓA: Giải pháp; kỹ năng nói; động cơ; thái độ; chiến lược học tập.

NHẬN BÀI: 28/12/2021.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 19/1/2022

1. Đặt vấn đề

Trong thời kì phát triển hợp tác và hội nhập theo hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TTP) và Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) như hiện nay, tiếng Anh với tư cách là một ngôn ngữ giao tiếp quốc tế ngày càng trở thành một phương tiện quan trọng và rất cần thiết. Tiếng Anh chính là một trong những công cụ hữu hiệu, đóng vai trò to lớn trong việc giúp các sinh viên (SV) khối công nghệ thông tin (CNTT) nói riêng và các sinh viên trong Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (ĐHCNHN) nói chung có thể đáp ứng được những yêu cầu tất yếu nắm bắt được cơ hội việc làm trong thời kì hội nhập trong khu vực và quốc tế. Hiện tại, hầu hết các SV năm thứ nhất khối ngành Máy tính và Công nghệ thông tin nói riêng, các SV khối không chuyên của ĐHCNHN nói chung gặp những khó khăn nhất định khi học môn tiếng Anh.

Trong bài viết này, chúng tôi khảo sát thực trạng của việc dạy và học tiếng Anh nói chung và luyện kỹ năng nói cho SV năm thứ nhất của khối ngành Máy tính và CNTT, qua đó đưa ra một số đề xuất giúp nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập ngoại ngữ trong nhà trường.

2. Cơ sở lý thuyết**2.1. Kỹ năng nói****2.1.1. Khái niệm về kỹ năng nói**

Các học giả có những khái niệm khác nhau về kỹ năng nói. Theo tác giả Khamkhen, *nói* là một trong những kỹ năng quan trọng nhất khi học một ngoại ngữ, trong đó có tiếng Anh [8]. Theo Bygate (2018), kỹ năng nói là một trong những kỹ năng mang tính phản xạ, giúp người học sử dụng được ngoại ngữ để bày tỏ ý kiến, quan điểm, suy nghĩ và cảm xúc với người đối diện, người nghe [3]. Richards (2006) nói rằng nói là "việc sử dụng ngôn ngữ tự nhiên xảy ra khi một người nói có tương tác và duy trì giao tiếp liên tục bất chấp những hạn chế trong khả năng giao tiếp của họ" [9].

2.1.2. Tầm quan trọng của kỹ năng nói

Như một kỹ năng sản sinh ngôn ngữ, nói được coi như là kỹ năng quan trọng để làm chủ ngôn ngữ trong giao tiếp. Theo Baker và Westrup (2003), những người học nói tiếng Anh rất tốt có thể có nhiều cơ hội học tập tốt hơn, tìm được việc làm tốt và được thăng tiến [1]. Theo nghiên cứu của Hoàng Tuệ và Trần Duyên (2019), hơn 50% nhà tuyển dụng cho rằng nói nên được luyện tập nhiều hơn. Điều đó có nghĩa là kỹ năng nói có tầm quan trọng lớn [12]. Như vậy, có thể khẳng định rằng, chính kỹ năng nói giúp ngôn ngữ tiếng Anh thực hiện được chức năng giao tiếp của chính mình. Hơn thế nữa, kỹ năng nói cũng góp phần củng cố thêm kỹ năng nghe của người học, giúp tăng cường vốn

* Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: haoptb@hau.edu.vn

** Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: hantt@hau.edu.vn

từ vựng và luyện tập các kỹ năng có liên quan. Chính vì vậy, rất nhiều sinh viên (SV) Việt Nam khi học tiếng Anh đều mong muốn được học tập và thực hành nhiều để nâng cao kỹ năng nói, giúp ích cho việc học tập và làm việc trong tương lai.

2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng nói của sinh viên trong quá trình học

Việc thành bại của các SV trong việc học tiếng Anh nói chung cũng như học kỹ năng nói tiếng Anh nói riêng phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau. Trong đó ba yếu tố sau đây được đánh giá là quan trọng nhất: động cơ học tập, thái độ học tập và chiến lược học tập.

1) Động cơ học tập

Theo Harmer (1991), động cơ là sự nỗ lực nội tại khuyến khích một người theo đuổi một tiến trình hành động. Nếu chúng ta nhận thấy được một mục tiêu nào đó và nếu mục tiêu đó đủ sức hấp dẫn, chúng ta sẽ có động cơ thúc đẩy để đạt được mục tiêu đó [7]. Khi nói đến động cơ học tập của người học, tác giả Cole và Chan (1994) đề cập đến hai động cơ chính đó là: động cơ bên ngoài (extrinsic motivation) và động cơ bên trong (intrinsic motivation). Động cơ bên ngoài liên quan đến những yếu tố bên ngoài lớp học. Những yếu tố bên ngoài lớp học chính là sự lôi cuốn, hấp dẫn của nền văn hoá của cộng đồng sử dụng ngôn ngữ đó. Người học mong muốn tìm hiểu nền văn hoá đó và hội nhập vào nền văn hoá đó. Những yếu tố bên ngoài lớp học còn là nhu cầu sử dụng ngoại ngữ như ngôn ngữ thứ hai để đạt được một mục tiêu cụ thể nào đó ví dụ như để xin việc làm, tăng lương, thăng tiến,...[4].

Khác với động cơ bên ngoài, động cơ bên trong có liên quan đến những yếu tố diễn ra bên trong lớp học. Theo tác giả Cole và Chan (1994), động cơ này đóng một vai trò quan trọng trong việc quyết định thái độ học tập của sinh viên. Một SV không có động cơ bên ngoài vẫn có thể có một thái độ học tập tích cực và đạt kết quả tốt trong học tập. Động cơ bên trong bị ảnh hưởng bởi một số yếu tố cơ bản sau: thứ nhất là điều kiện vật chất của lớp học, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học, môi trường xung quanh và quy mô của lớp học; thứ hai là phương pháp giảng dạy, đây là một yếu tố quyết định đối với sự yêu thích ham mê môn học của sinh viên; thứ ba là tính cách, kiến thức và sự nhiệt tình quan tâm của giáo viên, những yếu tố tạo nên sự thu hút và lôi cuốn đối với SV; cuối cùng là sự thành bại của bản thân sinh viên trong việc học tập [4].

2) Thái độ học tập

Thái độ học tập của người học là một yếu tố có ảnh hưởng lớn đến sự thành công của chính người học. Theo Gardner và Lambert (1972), thái độ chính là sự bên bỉ mà người học thể hiện để theo đuổi một mục tiêu [5]. Còn theo Brown (1980), thái độ là niềm tin của người học đối với cộng đồng sử dụng ngôn ngữ đó và nền văn hoá của họ. Thái độ học tập và động cơ học tập có mối liên hệ mật thiết với nhau. Thái độ đối với việc học ngoại ngữ là một yếu tố thúc đẩy người học cố gắng hết sức mình để đạt được mục đích. Ngược lại, động cơ ảnh hưởng đến thái độ của người học. Chúng ta có thể thấy rõ ràng rằng, những người học có động cơ bên ngoài hoặc bên trong tốt sẽ có thái độ học tập tích cực hơn những người không có động cơ hay những người xem việc học là nhiệm vụ bắt buộc [2].

3) Chiến lược học tập

Các SV giỏi thường có thể tự học ngoại ngữ rất tốt, họ luôn chủ động lên kế hoạch học tập cụ thể cho bản thân và tự tin tham gia các hoạt động học tập. Còn các SV yếu kém chủ yếu phụ thuộc vào giáo viên và hầu như học không tự xoay sở được, đồng thời tính tự giác học tập không cao, thiếu đi sự chăm chỉ cần cù. Theo Oxford (1990), chiến lược học là những hành động cụ thể mà người học thực hiện để việc học của họ dễ dàng hơn, nhanh chóng hơn, đầy hứng thú hơn, hiệu quả hơn và có thể dễ dàng thích ứng với tình huống mới hơn [11]. Còn O'Mally và Chamot (1990) thì cho rằng chiến lược học có hiệu quả bao gồm việc lên kế hoạch học tập, giám sát việc học và đánh giá công việc đã làm. Chiến lược học còn bao gồm cả việc nhận thức được các cách xử lý việc học như là viết ghi chú, sử dụng từ điển và các nguồn khác. Đó còn là sự tương tác với bạn cùng nhóm, cùng cặp hay cùng lớp trong các hoạt động giao tiếp trên lớp [10].

Bất cứ SV nào khi muốn đạt được kết quả tốt trong học tập thì SV đó không những phải có động cơ học tập đúng đắn và thái độ học tập tích cực mà họ cần phải có cả chiến lược học đúng nữa. Đây cũng chính là lí do vì sao nhiều SV yêu thích tiếng Anh, đầu tư nhiều thời gian cho việc học tiếng Anh nhưng vẫn không hiệu quả và đạt được kết quả như mong muốn.

3. Cách thức tiến hành

3.1. Câu hỏi nghiên cứu

Để tìm hiểu thực trạng nói tiếng Anh của SV năm thứ nhất ngành CNTT ĐHCNHN, nhóm nghiên cứu đã đưa ra 2 câu hỏi nghiên cứu là: 1) Thực trạng nói tiếng Anh của SV như thế nào?; 2) Những giải pháp hiệu quả để cải thiện việc nói tiếng Anh của SV là gì?

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện trên cơ sở kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, trong đó dữ liệu được thu thập thông qua việc sử dụng Bảng hỏi và Phỏng vấn bán cấu trúc (Semi-structure interview).

Theo những nghiên cứu trước đây của tác giả Gillham (2000), khi dùng bảng câu hỏi khảo sát thì những người được hỏi không bị áp lực về thời gian, họ trả lời các câu hỏi với thời gian, tốc độ của riêng mình, họ có thể trả lời ẩn danh do đó chắc chắn họ sẽ cảm thấy tự do và thoải mái khi trả lời câu hỏi. Vì vậy, những thông tin thu thập được là khách quan và đáng tin cậy. Tác giả còn cho rằng, để thu thập dữ liệu khảo sát thì việc áp dụng các cuộc phỏng vấn đối với những người tham gia nghiên cứu rất hữu ích [6]. Vì vậy, trong nghiên cứu này phỏng vấn bán cấu trúc được dùng để thu thập thông tin chuyên sâu.

3.3. Đối tượng nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát bảng câu hỏi đối với bốn lớp gồm 140 SV năm thứ nhất ngành CNTT tại ĐHCNHN.

3.4. Quy trình thu thập và xử lý dữ liệu

Nhóm nghiên cứu phát trực tiếp bảng hỏi khảo sát cho các SV vào tuần thứ 10 của môn học (sau khi thực hiện xong tất cả các bài kiểm tra thường xuyên) nhằm tìm hiểu thực tế kết quả bài nói của sinh viên sau khi kết thúc khóa học. Đồng thời nhóm nghiên cứu cũng tiến hành phỏng vấn trực tiếp ngẫu nhiên 20 SV (mỗi lớp 5 SV) để tìm hiểu sâu hơn về thực trạng nói tiếng Anh đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao kĩ năng nói của SV.

Sau khi SV trả lời, các phiếu điều tra được thu thập, thống kê và tổng hợp. Nhóm nghiên cứu sử dụng phần mềm Excel để tính phần trăm và xuất ra các biểu đồ có liên quan.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng về tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất ngành CNTT

4.1.1. Về năng lực tiếng Anh

Bảng 1. Tổng hợp ý kiến khảo sát của SV về thực trạng năng lực tiếng Anh của SV ngành CNTT năm thứ nhất tại ĐHCNHN

Thực trạng năng lực tiếng Anh	Mức độ			
	Kém (1)	Trung bình (2)	Khá (3)	Giỏi (4)
1. Kiến thức nền	38 (27,1%)	70 (50%)	23(16,5%)	9 (6,4%)
2. Kĩ năng nói thực tế	30 (21,4%)	81 (57,8%)	24 (17,1%)	5 (3,7%)
3. Điểm thi tốt nghiệp PTTH (Môn tiếng Anh)	30 (21,4%)	73 (52,1%)	17 (16,3%)	20 (10,2%)

Nhận xét:

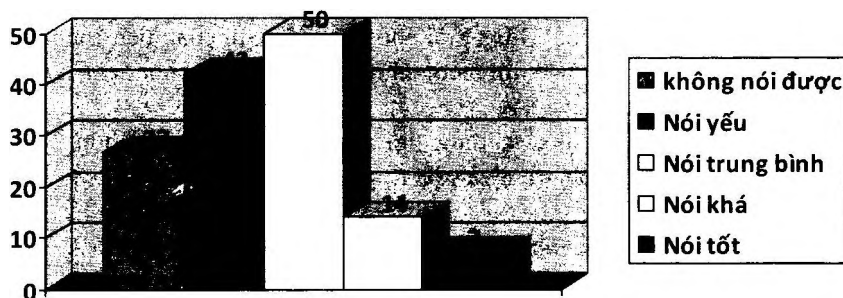
Theo kết quả của bảng tổng hợp trên, đại đa số SV chưa có nền tảng ngôn ngữ tốt (chỉ đạt mức trung bình chiếm 50%) mặc dù họ đã được theo học nhiều năm trước khi vào đại học (9 năm học ở bậc tiểu học - trung học cơ sở và 3 năm học ở bậc phổ thông trung học). Lý do đơn giản là vì, tiếng Anh chỉ được coi là một môn học chứ không phải là một phương tiện để giao tiếp, để tư duy, trao đổi hay thảo luận, do đó nó chưa được chú trọng và được triển khai giảng dạy cũng như học tập đúng phương pháp.

Bên cạnh đó, các kỹ năng ngôn ngữ của SV còn nhiều hạn chế, đặc biệt là kỹ năng nghe và nói. Trong quá trình giảng dạy, chúng tôi quan sát và thấy rằng khả năng nghe để nắm bắt được thông tin của đa số SV là ở dưới mức trung bình, nhiều SV thậm chí còn không hiểu được cả những câu đơn giản và thông thường. Đại đa số SV không có thói quen hoặc không thể giao tiếp với nhau bằng tiếng Anh. Đặc biệt trong các giờ luyện nói tiếng Anh, hầu hết các SV chưa có thói quen thực hiện luyện nói theo cặp, nhóm, hơn nữa, trình độ của SV không đồng đều và có sự khác biệt khá lớn về năng lực tiếng Anh giữa họ (chỉ 57,8% trong số các SV có thể giao tiếp ở mức trung bình, nghĩa là các SV có thể nghe hiểu ở mức độ cơ bản). Mặc dù kết quả thi tốt nghiệp PTTH của môn ngoại ngữ của đại đa số SV đều đạt từ mức trung bình trở lên, chỉ có 21,4% SV là kém. Tuy nhiên trong quá trình học, do ngại giao tiếp bằng tiếng Anh và kiến thức cơ bản còn hạn chế nên việc thực hiện các hoạt động nói trên lớp chưa được nhuần nhuyễn, sáng tạo. Do vậy việc thực hành còn mang tính dập khuôn, không tự nhiên.

4.1.2. Thực trạng về kỹ năng nói tiếng Anh

Khi trả lời câu hỏi đánh giá về khả năng thực hành kỹ năng nói tiếng Anh, có tới 27 SV (chiếm 19,2%) trong số SV được khảo sát thừa nhận là không thể nói được tiếng Anh, 42 SV tự đánh giá kỹ năng nói còn yếu, có 50 SV (chiếm 35,7%) tự đánh giá là mình có khả năng nói ở mức trung bình. Chỉ có 21 SV tự tin với khả năng nói từ khá trở lên (theo bảng 2)

Bảng 2: Khả năng nói tiếng anh của sinh viên ngành CNTT năm nhất trường ĐHCNHN



Thực tế, sau 9 tuần giảng dạy, nhóm nghiên cứu đã khảo sát, đánh giá kỹ năng nói của SV trong quá trình học và thông qua bài kiểm tra nói (bài kiểm tra thường xuyên 2) và nhóm tác giả nhận thấy rằng kỹ năng nói của SV được thực hiện ở bài thường xuyên 2 đạt từ trung bình trở lên là 62% (thang điểm D trở lên: ≥ 4), tỉ lệ sinh viên không đạt yêu cầu chiếm tới 48%. Kết quả khảo sát này cho thấy còn khá nhiều SV chưa chú trọng tới kỹ năng nói trong việc học tiếng Anh. Thông qua phỏng vấn chuyên sâu, nhóm tác giả còn được biết thêm rằng nhiều SV vẫn chưa xác định rõ được tầm quan trọng của kỹ năng nói nên họ chưa dành nhiều thời gian cho việc luyện tập thường xuyên kỹ năng này. Một số SV khác thì cho rằng, do sợ nói sai, ngại và thiếu tự tin khi giao tiếp dẫn đến nói không được

trôi chảy, mạch lạc. Từ đó nhóm tác giả đã tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng nói của SV nhằm tìm ra những giải pháp phù hợp để cải thiện khả năng nói cho SV.

4.1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng nói của SV

Kết quả khảo sát và phỏng vấn chuyên sâu cho thấy, phần đông SV vẫn chưa chú trọng việc học tập và thực hành kỹ năng nói tiếng Anh, họ chỉ tham gia vào các hoạt động nói trên lớp hoặc luyện nói với bạn học những câu hỏi đơn giản, những bài hội thoại và bài nói ngắn chứ chưa thực sự đầu tư thời gian để rèn luyện thêm kỹ năng nói sau giờ học. Bên cạnh đó nhiều SV không có vốn từ vựng phong phú và không có phương pháp học cũng như thực hành có hiệu quả, vẫn lơ là trong học tập, thụ động trong giờ học, không có động lực học khi đến lớp. Do đó, kết quả của kỹ năng nói chưa đạt được như mong muốn.

Khi được khảo sát và phỏng vấn bán cấu trúc, nhiều SV tiết lộ rằng, họ học tiếng Anh với tâm lý là bắt buộc và không thoải mái vì họ cho rằng đây là một môn học bắt buộc trong chương trình. Chính vì vậy mà họ học mang tính chất “đôi phó”, không tự giác học tập, trong lớp thiếu tập trung và hợp tác trong việc tham gia các hoạt động nói theo cặp, theo nhóm. Khi được yêu cầu lên thực hiện các hoạt động thì lại cầu cứu sự giúp đỡ của bạn, yêu cầu giáo viên (GV) giúp đỡ hoặc cố tình kéo dài thời gian (hay còn gọi là “câu giờ”). Đôi khi, các SV còn tỏ thái độ không hợp tác khi GV triển khai các hoạt động nói trên lớp, GV hỏi thì SV trả lời “em không biết”,... Không chuẩn bị bài trước khi đến lớp, không tham gia vào các hoạt động giao tiếp trên lớp; hay tìm lí do để nghỉ học hoặc đi học muộn để tránh bị giáo viên kiểm tra và tham gia các hoạt động.

Một lí do nữa là, phần lớn SV chưa có cách học hiệu quả, điều đó được thể hiện cụ thể như sau:

- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp: Đa số SV chỉ tập trung vào nghĩa của từ vựng và cách viết từ, không chú trọng tới phần phát âm, cấu trúc. Ngoài ra, họ chưa có thói quen chuẩn bị các ý tưởng cho các tình huống cũng như các chủ đề nói, vì vậy khi SV tham gia các hoạt động nói trên lớp đã không thể đáp ứng được ngay các yêu cầu của GV và hiệu quả thực hành không cao.

- Học từ vựng: SV thường có thói quen thuộc từ theo kiểu đơn lẻ, đọc và viết đi viết lại nhiều lần để nhớ từ chứ không có thói quen hoặc không biết đặt vào trong ngữ cảnh cụ thể hay học cách kết hợp với các từ khác. Cách học này mất khá nhiều thời gian mà hiệu quả nhớ từ rất hạn chế. Mặt khác, SV lại không biết cách sử dụng từ cũng như sắp xếp từ theo một trật tự logic như theo ngữ pháp.

- Hoạt động nói trên lớp: SV nhận chủ đề/ tình huống, sau đó thảo luận theo cặp, nhóm hay cá nhân để đưa ra ý tưởng. Thông thường các em hay tư duy bằng tiếng Việt rồi chuyển dịch ý tưởng đó sang tiếng Anh, viết lại ra giấy. Khi GV yêu cầu trình bày, SV nhìn vào giấy để nói (nghe như đọc chứ không giống đang nói) mà thiếu đi sự tự nhiên, độ lưu loát và trôi chảy. Vì thế, SV không chỉ nói kém mà còn ảnh hưởng đến thời gian học của cả lớp, theo đó, vô hình chung các SV khác trong lớp sẽ không có cơ hội để trình bày phần của mình.

Rõ ràng là, động cơ, thái độ và chiến lược học có mối quan hệ rất mật thiết với nhau và có tác động lớn đến quá trình học nói chung và quá trình rèn luyện kỹ năng nói của SV. Khi SV có động cơ học tập đúng đắn, chắc chắn họ sẽ có thái độ học tập tích cực, nếu không sẽ ngược lại.

4.2. Đề xuất và kiến nghị

Từ những thực tế trên và trong khả năng hiểu biết, nhóm tác giả xin đề xuất một số giải pháp như sau:

Trước hết việc phân loại trình độ đầu vào cho SV là rất cần thiết. Điều này giúp người dạy có thể thiết kế bài giảng trọng tâm hơn, tổ chức các hoạt động ngôn ngữ được tốt hơn. Bản thân SV với cùng trình độ sẽ có tâm lý học tập trung hơn, dễ dàng chia sẻ, trao đổi kiến thức, thực hành ngôn ngữ một cách nhiệt tình hơn. Điều này giúp giờ học ngôn ngữ đạt hiệu quả cao. Trong điều kiện hiện tại của các trường đại học thì việc đảm bảo các lớp học phân tiếng Anh với sĩ số từ 20-25 sinh viên là hợp lí.

Với sĩ số lớp học trung bình 20-25 SV, theo kinh nghiệm của nhóm tác giả, giáo viên có thể quản lí và tổ chức các hoạt động lớp học hiệu quả. Do vậy, người học có cơ hội thực hành giao tiếp, tham

gia các dạng bài tập luyện ngôn ngữ trên lớp, người dạy nắm bắt, hiểu rõ trình độ, tâm lí của sinh viên phát triển qua từng tiết học để có phương pháp giảng dạy phù hợp cho mỗi một sinh viên trong lớp học của mình. Đặc biệt với giờ học tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp đòi hỏi SV phải tham gia tích cực, lĩnh hội không những kiến thức về chuyên ngành của mình, mà còn phải hiểu những kiến thức đó bằng ngôn ngữ tiếng Anh, tham gia các hoạt động giao tiếp với những thuật ngữ chuyên ngành, thì phương pháp này thực sự tạo điều kiện cho SV tập trung, chủ động phát triển giao tiếp ngôn ngữ đích.

Đối với giáo viên

Quan tâm hơn nữa đến động cơ, thái độ và chiến lược học của SV; giúp SV nhận thức đúng sự cần thiết của tiếng Anh để từ đó xác định được động cơ, thái độ học tập tích cực, đề ra cho mình chiến lược học tập có hiệu quả.

Hướng dẫn, tư vấn cho SV những cách học hiệu quả giúp sinh viên cảm thấy yêu thích và hứng thú hơn trong việc học tiếng Anh (cách soạn bài, cách học từ vựng, ngữ pháp, vận dụng từ mới vào tình huống cụ thể, học cách luyện phát âm đúng, cách sử dụng cấu trúc, sắp xếp từ, sắp xếp ý tưởng, tư duy bằng tiếng Anh...).

Không nên gây áp lực học đối với những SV học lực yếu, SV lười học. Thay vào đó là tạo cho các SV đó có môi trường học tập thoải mái; động viên, khuyến khích để SV tự giác học trong học tập và tham gia vào các hoạt động nói.

Thiết kế nhiều loại hình hoạt động khác nhau theo mức độ khó tăng dần và phù hợp với từng nhóm sinh viên.

Có chế độ thưởng phạt rõ ràng và công bằng để các SV có căn cứ tự đánh giá mức độ cố gắng và sự tiến bộ của bản thân, tạo cho các SV có quyết tâm cao trong học tập.

Đánh giá đúng thực lực của SV để từ đó đưa ra yêu cầu, lời khuyên phù hợp vì nếu yêu cầu quá thấp đối với SV khá, giỏi sẽ khiến cho SV cảm thấy nhàm chán và sẽ không có ý chí phấn đấu vươn lên nữa; còn yêu cầu quá cao đối với SV yếu sẽ đánh mất sự tự tin của sinh viên, làm giảm sút sự hứng thú của sinh viên.

Khích lệ SV tăng cường sử dụng tiếng Anh khi đến lớp, hạn chế việc sử dụng tiếng Việt trong giờ học; hạn chế viết trong những giờ thực hành nói.

Tạo cho SV có được sự tự tin, thoải mái trong giao tiếp: không nên đặt nặng vấn đề phải nói đúng ngữ pháp vì điều đó sẽ khiến cho các SV cảm thấy e ngại, sợ sai mà không dám nói. Thay vào đó, khuyến khích SV cố gắng diễn đạt ý tưởng, diễn đạt những gì mình muốn nói bằng tiếng Anh.

Đối với sinh viên

Cần xác định cho mình một động cơ, thái độ học tập nghiêm túc, đúng đắn, đề ra một chiến lược học tập sao cho phù hợp và có hiệu quả nhất nhằm nâng cao chất lượng học.

Nên thay đổi lại phương pháp học tiếng Anh cho phù hợp với yêu cầu mới.

Tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp; tận dụng tối đa thời gian ở lớp để thực hành giao tiếp với các bạn cùng lớp, hạn chế các hoạt động viết (chỉ viết những gì thực sự cần thiết).

Luôn tìm mọi cơ hội để có thể giao tiếp với bạn bè bằng tiếng Anh ở mọi nơi, mọi lúc chứ không phải chỉ thực hiện trong giờ học tiếng Anh để tạo phản ứng nhanh nhạy.

Cần tạo cho mình thói quen tư duy bằng tiếng Anh, hạn chế việc chuyển đổi ý tưởng từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

Luyện tập phát âm chuẩn, nói lưu loát. Đây chính là một trong những yếu tố quyết định sự tự tin của người học.

Đối với nhà trường

Quan tâm hơn nữa đến trang thiết bị dạy và học đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy.

Thực hiện quy mô lớp nhỏ (20-25 SV/ lớp) để SV có nhiều cơ hội thực hành giao tiếp hơn nữa.

Thực hiện chia lớp theo trình độ ngay từ học kì đầu tiên đến học kì cuối cùng để SV không có tâm lí e ngại khi nói trước công chúng.

Thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu với đại diện các doanh nghiệp để SV có cơ hội tìm hiểu yêu cầu của nhà tuyển dụng từ đó giúp SV định hướng được việc học của mình.

3. Kết luận

Cải thiện được kỹ năng nói tiếng Anh của SV là một công việc không hề đơn giản chút nào, các nhà giáo dục ngôn ngữ không xem nhẹ việc này. Vấn đề ở đây là chúng ta cần phải có thời gian để thay đổi một thói quen học ngoại ngữ đã trở nên lỗi thời, không còn phù hợp trong tình hình và bối cảnh mới. Hơn nữa, để có được một kỹ năng hoàn hảo còn đòi hỏi phải có đủ lượng thời gian thực hành, phải có sự hợp tác chặt chẽ giữa người dạy và người học. Điều quan trọng hơn nữa là chính động cơ, thái độ, và chiến lược học tập của bản thân người học tạo nên sự thành công đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Baker, J., & Westrup, H. (2003), *Essential Speaking Skills: A Handbook for English Language Teachers*. London: Continuum.
2. Brown, H.D. (1994), *Principles of Language Learning and Teaching, Englewood Cliffs, New Jersey*: Prentice Hall, 1980.
3. Bygate (2018), *Speaking*, Oxford University Press.
4. Cole P. G. & Chan L. (1994), *Teaching Principles and Practice*, Prentice Hall of Australia Pty Ltd.
5. Gardner, R., Lambert W. (1972), “*Attitudes and Motivation in Second Language Learning*”. Newbury House Publishers, Inc.
6. Gillham, B., (2000), *Case study research methods*, Bloomsbury Publishing.
7. Harmer, J. (1991), *The Practice of English Language Teaching*, Longman Group UK Limited.
8. Khamkhien A (2010), *Teaching English speaking and English speaking tests in the Thai context: A reflection from Thai perspectives*. English Language Journal, Vol. 3(1), pp.184-200.
9. Richards, J.C. (2006), *Communicative Language Teaching Today*. New York: Cambridge University Press
10. O'Mally, J.M. & Chamot A.U. (1990), *Using Strategies in Second Language Acquisition*, Cambridge University Press.
11. Oxford, R.L. (1990), *Language Learning Strategies*, Newbury Publisher.
12. Hoang Tue & Tran Duyen (2019), "English for Specific Purposes Education at Tertiary Level: Feedback from the Industry". *Journal of Language and Life*, 5(285).

Improving English speaking skills for first-year non-major it students at Hanoi University of Industry

Abstract: English is currently an important international language and is being used for teaching and learning in many professions at universities and colleges around the world in general and in Vietnam in particular. In communication in English, speaking skill plays an important role to communicate between organizations, groups and individuals. Therefore, from the current situation of speaking and communicating in English of first-year students of information technology at Hanoi University of Industry, the authors have given suitable suggested solutions to improve the efficiency of the students in English speaking skill for this target group.

Key words: Solutions; speaking skill; motivations; attitudes; learning strategies.